TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023,tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: X, Đường T thị trấn Đ, xã A, tỉnh B; Số điện thoại: 0394.222.943 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Đường X, ấp T, xã T, thành phố TN, tỉnh TN; Số điện thoại: 0967.486.679 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2007 tại UBND thị trấn Đ, thị xã A, tỉnh B. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng mỗi người một nơi nên

tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh H, sinh ngày 22/12/2005. Hiện con đang sống cùng bà T nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2023, bị đơn ông Hồ Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh H, sinh ngày 22/12/2005. Ông T đồng ý giao cháu H cho bà H nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

Về con chung: giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà H có yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" với ông T cư trú tại ấp T, xã T, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, thị xã A, tỉnh B vào ngày 20/11/2007 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T: Bà H và ông T cũng thống nhất quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Bà H xin ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H đối với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Hồ Minh H, sinh ngày 22/12/2005. Xét thấy cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với bà H và ông bà cũng đều thống nhất giao cháu H cho bà H nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận bà H không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Lê Thị H đối với ông Hồ Văn T. Bà H, ông T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Minh H, sinh ngày 22/12/2005 cho bà H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002000 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Cơ quan cấp GCN đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Dung